

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH

BÁO CÁO

CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU - CHI TÀI CHÍNH
THEO HƯỚNG DẪN THÔNG TƯ SỐ 36/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
NĂM HỌC 2021 - 2022

Hải Ninh, tháng 06 năm 2022

Số: /BC-THHN-TT36
V/v Báo cáo thực hiện công khai đối với cơ sở giáo
dục và đào tạo năm học 2021-2022

Hải Ninh, ngày 06 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO
CÔNG KHAI VỀ CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU CHI TÀI CHÍNH
NĂM HỌC 2021 - 2022

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Thuận lợi

- Trường Tiểu học Hải Ninh có một điểm trường đặt tại trung tâm xã Hải Ninh. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của PGD&ĐT huyện Hải Hậu, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các đoàn thể địa phương quan tâm tới sự nghiệp giáo dục. Các đoàn thể địa phương phối hợp, tạo điều kiện cùng nhà trường tuyên truyền, vận động học sinh đi học đúng độ tuổi, kết hợp giáo dục đạo đức cho học sinh; tuyên truyền để nhân dân, các hội viên của đoàn thể mình hiểu về giáo dục và đóng góp trí tuệ, vật chất tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Hội đồng trường có đủ các tổ chức: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Tổ chuyên môn, Tổ văn phòng và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Trường có truyền thống dạy tốt, học tốt. Đội ngũ CB, GV, CNV có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác, đoàn kết giúp đỡ nhau, tích cực tham gia học tập chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn. Các tổ chức đoàn thể trong trường hoạt động có nền nếp, tổ chức chặt chẽ, thường xuyên phối hợp với nhau triển khai tốt các hoạt động. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết đồng lòng, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, hết lòng vì học sinh thân yêu.

- Đội ngũ giáo viên đa số đạt trình độ chuẩn.

- Các em học sinh ngoan, chấp hành tốt nội quy, quy định của lớp, của trường.

- Trường đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn.

2. Khó khăn

- Về cơ sở vật chất: Thiếu một số phòng chức năng, phòng đa năng cho học sinh hoạt động ngoại khóa, một số trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy và học chưa đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Về đội ngũ: Nhà trường có 01 NV kế toán hợp đồng mùa vụ, 02 GV nghỉ thai sản (tháng 11/2021: 01GV, tháng 12/2021: 01 GV).

- Về phía cha mẹ học sinh: có nhiều học sinh bố mẹ đi làm ăn xa nhà, làm công ty

10-14 tiếng/ngày nên sự quan tâm đến con em còn hạn chế phần nào ảnh hưởng đến đời sống tình cảm, tinh thần và kết quả học tập, rèn luyện của HS.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Phân công nhiệm vụ

1. Ông: Trịnh Văn Toại – Hiệu trưởng phụ trách chung
2. Bà: Vũ Thị Sinh – Phó hiệu trưởng phụ trách công tác phổ cập, công tác chuyên môn, hoạt động ngoài giờ lên lớp.

II. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

- Nhà trường đã tuyển sinh 92 trẻ sinh năm 2015 vào lớp 1 năm học 2021-2022 = 100% kế hoạch. Thực hiện chương trình 35 tuần.
- Thường xuyên phối hợp với hội cha mẹ học sinh và các ban, ngành, các tổ chức trong công tác giáo dục.
- Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.
- Nhà trường có các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh như: Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, TDTT, hoạt động Đội – Sao.
- Kết quả năng lực, phẩm chất ở mức Tốt và mức Đạt
- Chất lượng học tập tiến bộ hơn năm học trước.
- 100% số học sinh học 2 buổi/ngày.
- 100% số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất,
- Tổng hợp kết quả cuối năm học để xét học sinh hoàn thành chương trình lớp học 408/413 HS = 98,78% , học sinh được khen thưởng 259/527 HS = 49,14%, học sinh ở lại lớp 5/527 = 0,94% (3 học sinh khuyết tật)

III. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất của nhà trường là 10.145m². Trong đó:
 - + Trường có 15 lớp học với 11 phòng học kiên cố, 4 phòng học bán kiên cố, diện tích 720 m²
 - + Diện tích sân chơi bãi tập 2060 m²
 - + Vườn trường: 900m²

2. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 28. Trong đó:
 - + Cán bộ quản lý: 2
 - + Giáo viên: 23
 - + Nhân viên: 3

+ 18/28 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có trình độ đạt chuẩn, 10/28 giáo viên trình độ chưa đạt chuẩn.

- BGH đoàn kết, gương mẫu, trách nhiệm, quản lý bằng luật giáo dục, điều lệ nhà trường, thông qua văn bản hướng dẫn, xây dựng kế hoạch của nhà trường, Hiệu trưởng sử dụng kế hoạch để quản lý nhà trường. BGH tích cực học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ về năng lực quản lý, tạo được không khí sư phạm lành mạnh, đoàn kết, phát huy được sức mạnh tập thể trên cơ sở tập trung dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.

- GV tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, và trường tổ chức); bồi dưỡng thường xuyên từng năm.

- Bộ phận văn thư: Danh mục các văn bản có liên quan đầy đủ, sắp xếp gọn gàng theo từng mục, nội dung.

- Cuối năm học CBQL và GV được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp, đánh giá xếp loại CC, VC.

IV. Thực hiện công khai tài chính.

1. Bà Nguyễn Thị Sen - Kế toán chịu trách nhiệm: Danh sách, số lượng được hưởng chế độ chính sách, chi phí học tập, trợ cấp hàng năm. Thực hiện quy định tại điểm a,c,d,đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

a, Tình hình tài chính của nhà trường.

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2014 /QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính hướng dẫn. Thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính.

+ Các khoản chi theo từng năm học, các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi hoạt động trải nghiệm, học tập kinh nghiệm trong và ngoài huyện, tỉnh, mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi thường xuyên, chi sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị,...

+ Kết quả kiểm tra đầu năm học 2020 - 2021 của SGD ngày 26/11/2020 về các khoản thu – chi của nhà trường, qua kiểm tra, giám sát HĐND xã kết luận: nhà trường thực hiện công khai kết quả kiểm tra đúng theo quy định.

b, Công khai mức thu – chi các khoản thu thỏa thuận theo văn bản của tỉnh, các khoản thu BHYT,... kết quả thực hiện theo từng năm.

2. Tổng phụ trách Đội

- Các nguồn thu – chi phát động các công trình và quyên góp hàng năm.
- Có sổ theo dõi thu – chi đầy đủ, thực hiện tốt nhiệm vụ theo kế hoạch.

C. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI.

1. Đối với các nội dung Điều 5 của Quy chế này.

- Niêm yết công khai tại bảng niêm yết văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường xem xét. Thời điểm công bố từ đầu năm học (Tháng 9) và sau các kì kiểm tra định kỳ cuối năm.

- Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Quy chế nhà trường thực hiện công khai như sau:

- Đối với học sinh tuyển mới: Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới. Thông tin về chất lượng giáo dục định kỳ của học sinh qua các buổi họp cha mẹ học sinh, sổ liên lạc và các hình thức khác.

3. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Tổ chức tự kiểm tra đánh giá đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

E. KẾT QUẢ

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và có tổng hợp báo cáo chi tiết theo các biểu mẫu 05,06,07,08 kèm theo.



Trịnh Văn Toại

Biểu mẫu 05

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học: 2021 – 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Xét tuyển trẻ 6 tuổi HTCT Mẫu non Đơn xin học -Giấy chứng nhận HTCT lớp 5 tuổi -Bản sao giấy khai sinh	Hoàn thành chương trình lớp 1	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục cơ sở giáo dục thực hiện	CTGDPT 2018 Gồm 35 tuần; Học 2 buổi/ngày - Thực hiện 35 tuần/ năm học. - Ngày tựu trường: 23/8/2021 - Ngày khai giảng: 5/9/2021 - Ngày bắt đầu học kỳ I: 6/9/2021: - Ngày kết thúc học kỳ I: 7/01/2022 - Ngày bắt đầu học kì II: 10/1/2022 - Ngày kết thúc HKII: 13/5/2022 - Ngày kết thúc năm học: 20/5/2022	CTGDPT 2018 Gồm 35 tuần; Học 2 buổi/ngày - Thực hiện 35 tuần/ năm học. - Ngày tựu trường: 1/9/2021 - Ngày khai giảng: 5/9/2021 - Ngày bắt đầu học kỳ I: 6/9/2021: - Ngày kết thúc học kỳ I: 7/01/2022 - Ngày bắt đầu học kì II: 10/1/2022 - Ngày kết thúc HKII: 13/5/2022 - Ngày kết thúc năm học: 20/5/2022	CT hiện hành 2006. Gồm 35 tuần; Học 2 buổi/ngày - Thực hiện 35 tuần/ năm học. - Ngày tựu trường: 1/9/2021 - Ngày khai giảng: 5/9/2021 - Ngày bắt đầu học kỳ I: 6/9/2021: - Ngày kết thúc học kỳ I: 7/01/2022 - Ngày bắt đầu học kì II: 10/1/2022 - Ngày kết thúc HKII: 13/5/2022 - Ngày kết thúc năm học: 20/5/2022	CT hiện hành 2006. Gồm 35 tuần; Học 2 buổi/ngày - Thực hiện 35 tuần/ năm học. - Ngày tựu trường: 1/9/2021 - Ngày khai giảng: 5/9/2021 - Ngày bắt đầu học kỳ I: 6/9/2021: - Ngày kết thúc học kỳ I: 7/01/2022 - Ngày bắt đầu học kì II: 10/1/2022 - Ngày kết thúc HKII: 13/5/2022 - Ngày kết thúc năm học: 20/5/2022	CT hiện hành 2006. Gồm 35 tuần; Học 2 buổi/ngày - Thực hiện 35 tuần/ năm học. - Ngày tựu trường: 1/9/2021 - Ngày khai giảng: 5/9/2021 - Ngày bắt đầu học kỳ I: 6/9/2021: - Ngày kết thúc học kỳ I: 7/01/2022 - Ngày bắt đầu học kì II: 10/1/2022 - Ngày kết thúc HKII: 13/5/2022 - Ngày kết thúc năm học: 20/5/2022
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập	- Tổ chức họp phụ huynh 2 lần/năm - Liên lạc qua gọi điện thoại; gặp trực tiếp -HS Tích cực, chủ động, sáng tạo	- Tổ chức họp phụ huynh 2 lần/năm - Liên lạc qua gọi điện thoại; gặp trực tiếp -HS Tích cực, chủ động, sáng tạo	- Tổ chức họp phụ huynh 2 lần/năm - Liên lạc qua gọi điện thoại; gặp trực tiếp -HS Tích cực, chủ động, sáng tạo	- Tổ chức họp phụ huynh 2 lần/năm - Liên lạc qua gọi điện thoại; gặp trực tiếp -HS Tích cực, chủ động, sáng tạo	- Tổ chức họp phụ huynh 2 lần/năm - Liên lạc qua gọi điện thoại; gặp trực tiếp -HS Tích cực, chủ động, sáng tạo

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	của học sinh					
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn kĩ năng sống - Hoạt động trải nghiệm - HĐ TDTT, HĐ Đội, Sao nhi đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn kĩ năng sống - Hoạt động trải nghiệm - HĐ TDTT, HĐ Đội, Sao nhi đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn kĩ năng sống - Hoạt động trải nghiệm - HĐ TDTT, HĐ Đội, Sao nhi đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn kĩ năng sống - Hoạt động trải nghiệm - HĐ TDTT, HĐ Đội, Sao nhi đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn kĩ năng sống - Hoạt động trải nghiệm - HĐ TDTT, HĐ Đội, Sao nhi đồng
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hs có năng lực và phẩm chất Tốt và Đạt - 96,9% HS Hoàn thành tốt và Hoàn thành các môn học - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt 96,9%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. - HS có sức khỏe tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hs có năng lực và phẩm chất Tốt và Đạt - 97,97% HS Hoàn thành tốt và Hoàn thành các môn học - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 97,97 % - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. - HS có sức khỏe tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hs có năng lực và phẩm chất Tốt và Đạt - 100% HS Hoàn thành tốt và Hoàn thành các môn học - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. - HS có sức khỏe tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hs có năng lực và phẩm chất Tốt và Đạt - 100% HS Hoàn thành tốt và Hoàn thành các môn học - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99 % - 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. - HS có sức khỏe tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% hs có năng lực và phẩm chất Tốt và Đạt - 100% HS Hoàn thành tốt và Hoàn thành các môn học - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống - Có ý thức bảo vệ môi trường - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khoẻ ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. - HS có sức khỏe tốt

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	96,9% HS có khả năng học tiếp ở lớp trên	97,97% HS có khả năng học tiếp ở lớp trên	100% HS có khả năng học tiếp ở lớp trên	100% HS có khả năng học tiếp ở lớp trên	100% HS có khả năng học tiếp ở lớp trên

Hải Ninh, ngày 06 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trịnh Văn Toại

Biểu mẫu 06

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	527	97	99	106	111	114
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	527	97	99	106	111	114
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	474/527 = 89,95%	81/97 = 83,5%	80/99 = 80,8%	101/106 = 95,3%	107/111 = 96,4%	105/114 = 92,1%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	50/527 = 9,48%	13/97 = 13,4%	19/99 = 19,2%	5/106 = 4,7%	4/111 = 3,6%	9/114 = 7,9%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	3/527 = 0,57%	3/97 = 3,1%	0/99 = 0%	0/106 = 0%	0/112 = 0%	0/114 = 0%
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	399/527 = 75,71%	76/97 = 78,35%	70/99 = 70,7%	71/106 = 66,99%	83/111 = 74,8%	99/114 = 86,85%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	123/527 = 23,34%	18/97 = 18,55%	27/99 = 27,27%	35/106 = 33,01%	28/111 = 25,2%	15/114 = 13,15%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	5/527 = 0,95%	3/97 = 3,1%	2/99 = 2,02%	0/106 = 0%	0/111 = 0%	0/114 = 0%
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	522/527 = 99,05%	94/97 = 96,9%	97/99 = 97,98%	106/106 = 100%	111/111 = 100%	114/114 = 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	257/527 = 48,77%	48/97 = 49,5%	48/99 = 48,5%	48/106 = 45,3%	57/111 = 51,4%	56/114 = 49,1%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	18/527 = 3,42%	0/97 = 0%	3/99 = 3,0%	4/106 = 3,8%	4/111 = 3,6%	7/114 = 6,14%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	5/527 = 0,95%	3/97 = 3,1%	2/99 = 2%	0/106 = 0%	0/111 = 0%	0/114 = 0%

Hải Ninh, ngày 06 tháng 6 năm 2022

Thu trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trịnh Văn Toại

Biểu mẫu 07

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	15/15	1,29 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	11	1,29 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	4	1,29 m ² /học sinh
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	10145 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2060 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	838 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	675 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	45 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	45 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	14 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	14 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	50	
1.1	Khối lớp 1	10	
1.2	Khối lớp 2	10	
1.3	Khối lớp 3	10	

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		0,14m ² /học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	X				

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	
XVII	Kết nối internet	1	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	
XIX	Tường rào xây	1	

Hải Ninh , ngày 06 tháng 6 năm 2022



Trịnh Văn Toại

Biểu mẫu 08

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI NINH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28			16	10	2			18	7	5	18	2	
	Giáo viên	23			13	10				17	6	4	18	1	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	8			6	2				5	3	1	6	1	
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	2			1	1				1	1		2		
3	Tin học	1			1						1		1		
4	Âm nhạc	1			1					1			1		
5	Mỹ thuật	2			1	1				2		1		1	
6	Thể dục	2			2					1	1		2		
II	Cán bộ quản lý	2										1		1	
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1				1	
III	Nhân viên	3			1		2								
1	Nhân viên văn thư	1													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	0					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
9	...														

Hải Ninh, ngày 06 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trịnh Văn Toại